

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983; thường trú: 1307/1B, tổ 39, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1980; thường trú: 1307/1B, tổ 39, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01 cấp ngày 27/11/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Minh T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác mặc dù chị Phạm Thị H đã cho anh Nguyễn Minh T cơ hội nhưng anh Nguyễn Minh T không thay đổi. Nay, chị Phạm Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Trung T, sinh ngày 08/01/2007 và Nguyễn Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/7/2008. Sau khi ly hôn chị Phạm Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về phía bị đơn anh Nguyễn Minh T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/6/2018 yêu cầu anh Nguyễn Minh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Phạm Thị H và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Minh T không tham gia, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ngày 26/7/2018 Tòa án tiến hành xét xử vụ án, anh Nguyễn Minh T có đơn xin hoãn phiên tòa và bản tường trình về quan hệ vợ chồng có những mâu thuẫn, do anh Nguyễn Minh T không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, chị Phạm Thị H có đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Minh T không đồng ý và mong muốn cho thời gian để vợ chồng trao đổi với nhau. Về con chung: Thống nhất về số con chung như chị Phạm Thị H khai, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Nguyễn Minh T đồng ý với nguyện vọng của chị Phạm Thị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 20/8/2018, Tòa án triệu tập họp lệ anh Nguyễn Minh T tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Minh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 20/8/2018 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 26/7/2018 nhưng anh Nguyễn Minh T có đơn xin hoãn phiên tòa và phiên tòa ngày 20/8/2018 anh Nguyễn Minh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01 cấp ngày 27/11/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được

mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị Phạm Thị H thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn, đến năm 2007 khi chị Phạm Thị H phát hiện anh Nguyễn Minh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong gia đình của mình thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù chị Phạm Thị H đã tha thứ nhưng anh Nguyễn Minh T không thay đổi, anh Nguyễn Minh T cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Minh T không chăm lo cho gia đình. Nay, chị Phạm Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Minh T tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Minh T không đến Tòa án, tại bản tường trình anh Nguyễn Minh T không đồng ý ly hôn nhưng anh Trung không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H là có cơ sở phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Minh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Trung T, sinh ngày 08/01/2007; Nguyễn Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/7/2008. Chị Phạm Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy bản tự khai ngày 15/3/2018 cháu Nguyễn Phạm Trung T và cháu Nguyễn Phạm Thị Quỳnh N có nguyện vọng ở với mẹ là chị Phạm Thị H và tại bản tường trình của anh Phạm Minh Trung vào ngày 25/7/2018 cũng đồng ý với nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của chị Phạm Thị H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Phạm Trung T, sinh ngày 08/01/2007; Nguyễn Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/7/2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Minh T có quyền đi lại thăm con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. (Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đ cấp ngày 27/11/2006)

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Minh T giao cháu Nguyễn Phạm Trung T, sinh ngày 08/01/2007; Nguyễn Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/7/2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Minh T đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Minh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Phạm Thị H nuôi con thì chị Phạm Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0019371 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- UBND X.H, H.L, tỉnh Đ (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Kiều Thị Uyên